

Số: 01/2016/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2016

THÔNG TƯ
Hướng dẫn chính sách cho vay phát triển công nghiệp hỗ trợ

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về chính sách cho vay phát triển công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn về cho vay phát triển công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ (sau đây gọi là Nghị định 111/2015/NĐ-CP).

2. Việc vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước để thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo quy định tại Nghị định 111/2015/NĐ-CP không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cho vay đối với các dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo quy định tại Điều 11 Nghị định 111/2015/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển).

2. Khách hàng (tổ chức và cá nhân) vay vốn để đầu tư Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện cho vay phát triển công nghiệp hỗ trợ theo Nghị định 111/2015/NĐ-CP.

Điều 3. Chính sách cho vay đối với Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam đối với phần vốn vay ngắn hạn phục vụ cho Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển không vượt quá mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khi vay vốn tại các tổ chức tín dụng trên cơ sở bảo lãnh của các tổ chức bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định để đầu tư Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, ngoài chính sách ưu đãi cho vay tại Khoản 1 Điều này còn được các tổ chức tín dụng xem xét cho vay tối đa 70% vốn đầu tư khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 12 Nghị định 111/2015/NĐ-CP.

Điều 4. Nguyên tắc cho vay

1. Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được áp dụng chính sách cho vay nêu tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 Thông tư này là các dự án đã được xác nhận ưu đãi theo quy định tại Điều 11 Nghị định 111/2015/NĐ-CP.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xem xét, thẩm định, quyết định cho vay đối với Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển nêu tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 Thông tư này theo quy định hiện hành của pháp luật và tự chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình.

Điều 5. Tổ chức bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn

Tổ chức bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn nêu tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này bao gồm:

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập và hoạt động theo quy định tại Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện bảo lãnh theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại;

3. Các tổ chức khác được phép thực hiện bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro

Việc phân loại nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với các khoản cho vay Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 7. Trách nhiệm của khách hàng vay vốn

1. Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và hoàn trả đầy đủ gốc, lãi vay đúng hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký; thực hiện đầy đủ cam kết trong hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay phát triển công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này, quy định về cho vay, quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Định kỳ hàng Quý (trước ngày 10 của tháng tiếp theo Quý báo cáo), tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có dư nợ cho vay đối với lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ báo cáo kết quả cho vay phát triển công nghiệp hỗ trợ về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) theo Mẫu biểu 01 và Mẫu biểu 02 đính kèm Thông tư này và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu báo cáo.

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế:

a) Đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư này;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

2. Vụ Chính sách tiền tệ:

Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong việc xác định mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam áp dụng trong từng thời kỳ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát việc cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng theo thẩm quyền;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Theo dõi tổng hợp tình hình cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để thực hiện chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ tại địa phương;

b) Phối hợp với các Sở, Ban ngành tại địa phương xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cho vay thực hiện chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ tại địa phương. Trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) để được xem xét xử lý.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *22* tháng *02* năm 2016.
2. Đối với các hợp đồng vay vốn đã được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng vay vốn. Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn phải phù hợp với quy định tại Thông tư này.

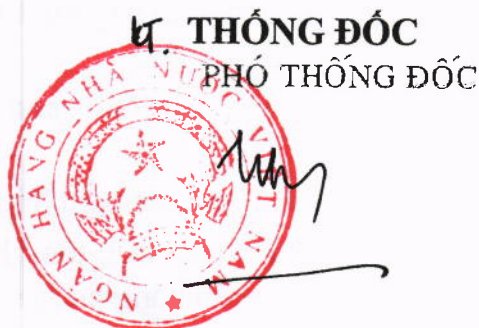
Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. /

Nguyễn

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công thương;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- HĐND, UBND các tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ PC, Vụ TD (5). *ph*



Nguyễn Đồng Tiến

Tên TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Mẫu số 01

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY ĐỐI VỚI LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-NHNN ngày 04 tháng 04 năm 2016 hướng dẫn chỉnh sách cho vay phải triển công nghiệp hỗ trợ)
Quý năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chi tiêu	Số tiền cam kết cho vay	Cho vay trong kỳ	Thu nợ trong kỳ	Dư nợ cuối kỳ	Nợ xấu				Dư phòng đã trích	Giá trị TSBD		Ghi chú
						Nợ nhóm 3	Nợ nhóm 4	Nợ nhóm 5	Tổng số		TSBD hình thành từ vốn vay	TSBD khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Tổng cho vay lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ												
I	Cho vay ngắn hạn												
a	Cho vay ngắn hạn ưu đãi theo Nghị định 111/2015/NĐ-CP												
b	Cho vay ngắn hạn khác												
2	Cho vay trung dài hạn												
II	Cho vay lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ chi tiết theo tỉnh, TP trực thuộc Trung ương												
I	Hà Nội												
a	Cho vay ngắn hạn												
	Cho vay ngắn hạn ưu đãi theo Nghị định 111/2015/NĐ-CP												
b	Cho vay ngắn hạn khác												
2	Cho vay trung dài hạn												
...	Thành phố Hồ Chí Minh												
...	...												
	Tổng cộng												

Lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên, số liên hệ)

Kiểm soát

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm

Người đại diện hợp pháp của TCTD,
chi nhánh ngân hàng nước ngoài

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Đối tượng áp dụng: các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có dư nợ đối với lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.
2. Mục II: Báo cáo theo thứ tự ABC tên tỉnh, thành phố.
3. Thời gian gửi báo cáo: Trước ngày 10 của tháng tiếp theo Quý báo cáo.
4. Hình thức gửi báo cáo: Báo cáo bằng văn bản và file mềm gửi về địa chỉ email: td3_vtd@sbv.gov.vn.
5. Liên hệ: SĐT: 04.38269902 - Fax: 04.38256626.

MSNH

Tên TCTD.....

Mẫu số 02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY CÁC DNNVV ĐẦU TƯ DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN CÓ BẢO LÃNH CỦA TỔ CHỨC BẢO LÃNH TÍN DỤNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-NHNN ngày 04 tháng 04 năm 2016 hướng dẫn chính sách cho vay phát triển công nghiệp hỗ trợ)

Quý năm

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Khách hàng	Dự án	Số tiền cam kết cho vay	Cho vay trong kỳ	Thu nợ trong kỳ	Dự nợ cuối kỳ	Nợ xấu			Dự phòng đã trích	Giá trị TSBĐ		Tổ chức bảo lãnh tín dụng				Ghi chú
							Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5		TSBĐ hình thành từ vốn vay	TSBĐ khác	Tên tổ chức bảo lãnh	Số tiền bảo lãnh trả thay lũy kế đến kỳ báo cáo	Số tiền tổ chức bảo lãnh trả thay chối trả thay lũy kế đến kỳ báo cáo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Hà Nội	Dự án A															
	KH1																
	...																
2	Thành phố Hồ Chí Minh																
	...(Chỉ tiết theo tỉnh, TP trực thuộc Trung ương)																
	Tổng cộng																

Lập biểu

Kiểm soát

Ngày tháng năm
Người đại diện hợp pháp của TCTD
(Ký, tên, đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên, sdt liên hệ)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Đối tượng áp dụng: các tổ chức tín dụng có dự cho vay DNNVV đầu tư dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển có bảo lãnh của tổ chức bảo lãnh tín dụng.
2. Báo cáo theo thứ tự ABC tên tỉnh, thành phố.
3. Thời gian gửi báo cáo: Trước ngày 10 của tháng tiếp theo Quý báo cáo.
4. Hình thức gửi báo cáo: Báo cáo bằng văn bản và file mềm gửi về địa chỉ email: td3_vtd@sbt.gov.vn.
5. Liên hệ: SĐT: 04.38269902 - Fax: 04.38256626.